

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 813/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1250/TB-TLVA ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2019/QĐST-NHGD ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: 73/45/1A đường Đ, khu phố X, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 445/3A đường S, khu phố X, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K, tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 17/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến lúc sinh con được khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn như: Anh K thất nghiệp, thường xuyên đi nhậu về đánh vợ, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân tháng 02/2017 cho đến nay, chị H xác định tình cảm với anh K không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/7/2015; sau khi ly hôn chị H tự nguyện giao cho anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản và nợ chung: Chị H khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K. Từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án đã tiến hành triệu tập anh K đến tòa để giải quyết việc kiện của chị H nhưng anh K không đến; Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định của pháp luật, nhưng anh K vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do, nên mở phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2015 quyền số 01/2015 ngày 17/11/2015; giấy khai sinh trẻ tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/7/2015; chứng minh nhân dân, hộ khẩu, sổ tạm trú của chị H, đơn xác nhận tạm trú ngày 11/10/2018; đơn xác nhận ngày 11/10/2018; phiếu xác minh ngày 08/01/2019.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; chị H và anh K có một con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/7/2015.

Các nội dung đương sự thống nhất và không thống nhất được: Do anh K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn K cư trú tại địa chỉ 445/3A đường S, khu phố X, phường T, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2018; chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn anh Nguyễn Văn K. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 1250/TB-TLVA ngày 10/12/2018 cho anh K nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 anh K vẫn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K vào các ngày 16/4/2019 và ngày 28/5/2019, nhưng anh K vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không hòa giải theo quy định tại Khoản 1

Điều 207, Khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thông báo kết quả phiên họp cho anh K được biết; đồng thời triệu tập anh K tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 27/6/2019 nhưng tại phiên tòa anh K vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (18/7/2019), nhưng anh K vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình giải quyết vụ án anh K vắng mặt, nên Tòa án không thể làm rõ giữa chị H và anh K có những mâu thuẫn gì; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh K không đến tòa để giải quyết coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh K là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/7/2015, chị H trình bày hiện nay do gia đình của anh K trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn giao cho anh K được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung; tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét đến nhiều vấn đề cụ thể, như môi trường sống, hoàn cảnh sống và môi trường học tập. Hội đồng xét xử nhận định, người con chung hiện nay do gia đình anh K trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; (tại quê nhà ở Quảng Ngãi); chị H hiện nay đang làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao cho anh K tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến người con chung đủ 18 tuổi tròn, nên được ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, nên Tòa án không xem xét.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng chị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Chí Thành, sinh ngày 12/7/2015 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi tròn; thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng chị H phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0022996 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị H phải chịu.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

7. Quyền yêu cầu thi hành án. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Ủy ban nhân dân phường C,
Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình